

Số: 31/2025/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hứa Thị T, sinh năm 2002; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Giáo viên; số CCCD: 000000 do Cục CSQLHCVTTXH - BCA cấp ngày 28/3/2021; địa chỉ: Tổ 04, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Lê Trung H, sinh năm 2001; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 000000 do Cục CSQLHCVTTXH - BCA cấp ngày 02/02/2023; địa chỉ: Thôn 05, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/11/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/11/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hứa Thị T và anh Lê Trung H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị T và anh Lê Trung H nhất trí thuận tình ly hôn. (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 37/2021 ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Chị Hứa Thị T và anh Lê Trung H xác nhận có 01 con chung là Lê Nhật M1, sinh ngày 22/9/2021. Sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Nhật M1 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lê Nhật M1 với mức 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ tháng 11/2025 cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Thời điểm giao con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị T, anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hứa Thị T tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000977 ngày 23/10/2025 (Mua Mí C nộp thay) của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã M, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Vân